

Bản án số: **03/2025/HS-ST**
Ngày: 11-11-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Trung.
- Ông Trương Văn Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Thanh V, sinh ngày 11/8/1980 tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi thường trú: Khu dân cư D, thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn B, xã P, tỉnh Quảng Ngãi); chỗ ở hiện nay: Đường B, tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh T và bà Huỳnh Thị P; vợ: Nguyễn Thị Ngọc L; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2024 đến ngày 22/11/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Phạm Thanh V: Ông Lê Hoàng H - Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: A P, phường N, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Bị hại:

2.1 Anh Lưu Văn P1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2.2 Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1966; nơi cư trú: 1 đường T, Phường C, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2.3 Anh Đặng Duy T1, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2.4 Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Ngọc Anh V1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ E, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2 Anh Lưu Văn H1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

3.3 Anh Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

3.4 Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ G, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

3.5 Anh Đặng Duy T4; sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi;

3.6 Ông Trần H2, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi;

3.7 Ông Trương Quang V2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn F, xã T, tỉnh Quảng Ngãi;

3.8 Ông Nguyễn Phúc N1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thanh V không hoạt động, làm việc trong lĩnh vực tư pháp. Từ cuối năm 2021 đến cuối năm 2023, Phạm Thanh V lợi dụng bản thân có nhiều mối quan hệ quen biết với các cá nhân làm việc trong các cơ quan tư pháp tại địa phương để đưa ra thông tin gian dối về việc có thể xin giảm nhẹ hình phạt hoặc thay đổi biện pháp ngăn chặn cho những người có liên quan đến các vụ án hình sự, làm các bị hại tin tưởng đưa tiền cho V sau đó V chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định Phạm Thanh V đã chiếm đoạt của 04 bị hại với tổng số tiền là: 490.000.000 đồng, cụ thể:

1. Trường hợp của anh Lưu Văn P1:

Ngày 14/10/2023, Lưu Văn P1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “*Bắt, giữ*

người trái pháp luật” xảy ra vào ngày 17/6/2023, P1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Sau sự việc, P1 có tâm sự với ông Nguyễn Đức H3 (sinh năm 1984; trú tại: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi; là người cùng góp vốn làm ăn với P1) về việc mình đã bị khởi tố, đang tìm các mối quan hệ để lo việc chạy án. Nghe P1 kể thì H3 nói là có quen biết Phạm Thanh V nên sẽ hỏi V xem có giúp được P1 hay không. Sau đó, P1 nhờ H3 liên hệ và hẹn gặp V tại quán Đ, địa chỉ tại thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, P1 kể lại toàn bộ sự việc mình bị khởi tố và nhờ V có mối quan hệ nào thì giúp P1 được xử lý nhẹ thì V đồng ý rồi hẹn P1 đến nhà V để trao đổi thêm về vấn đề này.

Ngày hôm sau, Lưu Văn P1 nhờ ông Võ Văn Á (sinh năm 1992; trú tại: thôn A, xã P, tỉnh Quảng Ngãi) liên lạc và đưa đến nhà riêng của Phạm Thanh V. Tại đây, P1 đưa cho V xem Quyết định khởi tố bị can, nhờ V lo chạy án với mong muốn nhẹ tội và được hưởng án treo, Phạm Thanh V đồng ý lo việc và sẽ liên lạc với P1 sau khi hỏi thăm được tình hình sự việc; tiếp đó V có sử dụng điện thoại di động chụp lại hình ảnh Quyết định khởi tố bị can của P1 rồi lưu vào điện thoại mình.

Vài ngày sau, khi đang ngồi nhậu tại quán Đ, Phạm Thanh V có điện thoại cho P1 đến nhậu cùng. Trong lúc nhậu, V nói P1 đưa trước cho V số tiền 30.000.000 đồng để đi lo công việc cho P1. Khi đó, P1 điện thoại cho Đặng Thị Huyền T5 (bạn gái của P1) chuẩn bị tiền, rồi P1 điện thoại cho ông Nguyễn Tấn T3 đến gặp T5 (ở tại đường T, phường N, tỉnh Quảng Ngãi) để lấy số tiền 30.000.000 đồng mang đến quán Đ đưa cho P1. Sau đó, P1 đưa toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng cho Phạm Thanh V.

Ngày 19/10/2023, V điện thoại cho P1 yêu cầu chuẩn bị 70.000.000 đồng để V đi lo việc cho P1, P1 trả lời hiện giờ chỉ có 60.000.000 đồng và hẹn hôm sau sẽ đem tiền đến thì V đồng ý. Sau đó, P1 liên hệ với dì ruột là bà Nguyễn Thị Thu V3 (sinh năm 1981, trú tại: số A đường B, phường N, tỉnh Quảng Ngãi) mượn số tiền 50.000.000 đồng để lo việc cá nhân thì bà V3 chuyển số tiền này vào tài khoản số 104876278034 ngân hàng V4 của Lưu Văn P1.

Vào lúc 17 giờ 57 phút ngày 19/10/2023, V gửi hình ảnh Quyết định khởi tố bị can của Lưu Văn P1 qua ứng dụng Zalo cho ông Cao Văn B1 (sinh năm 1981; trú tại: phường N, tỉnh Quảng Ngãi; làm việc tại Công an tỉnh Q) đồng thời nhắn tin SMS với nội dung “Vụ Lưu Văn P1”, sau đó V gọi điện thoại trực tiếp cho B1 để nhờ hỏi giúp về vụ việc của P1, tuy nhiên ông B1 từ chối, nói với V là việc của Cơ quan điều tra nên không thể giúp được. Sáng ngày 20/10/2023, P1 điện thoại cho Nguyễn Tấn T3 chở P1 đến nhà V, khi đến vòng xoay thị trấn C (cũ), P1 có đến trụ ATM tại thị trấn C rút số tiền 60.000.000 đồng (bút lục số 339). Sau khi đến nơi thì V không có nhà, P1 gọi điện thoại cho V thì V hẹn gặp tại quán C1 trên đường T, phường C, tỉnh Quảng Ngãi nên P1 yêu cầu ông Nguyễn Tấn T3 chở đến quán C1; tại đây, P1 đưa toàn bộ số tiền này cho Phạm Thanh V.

Toàn bộ số tiền 90.000.000 đồng nhận của Lưu Văn P1, V chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân, không liên hệ với ai để giúp đỡ P1 như đã hứa hẹn.

2. Trường hợp của ông Nguyễn Hữu N:

Nguyễn Hữu N bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HS-ST ngày 27/4/2022; sau đó ông N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong thời gian chờ đợi xét xử phúc thẩm, em trai Nghĩa là ông Nguyễn Thanh B có nói với Nghĩa là quen biết Phạm Thanh V, V có nhiều mối quan hệ nên có thể nhờ V giúp đỡ để được xử án treo thì N đồng ý. Sau đó, B liên lạc và dẫn N đến gặp V tại một quán cà phê ở xã P, tỉnh Quảng Ngãi; tại đây N có kể lại toàn bộ sự việc mình bị cấp sơ thẩm xét xử tù giam và mong muốn Vũ giúp cho N được cấp phúc thẩm xử án treo thì V đồng ý và nói số tiền để lo “nước non”, gặp gỡ anh em để xử lý là 200.000.000 đồng thì ông N thống nhất.

Vài ngày sau, V gọi điện thoại yêu cầu N đưa 100.000.000 đồng để lo việc thì Nguyễn Hữu N cùng Nguyễn Thanh B mang trực tiếp số tiền này đến nhà riêng của V tại xã N đưa cho V. Khoảng một tháng sau, V điện thoại cho N, nói vụ việc phức tạp, cần đưa thêm số tiền 100.000.000 đồng để lo công việc, thì ông N đồng ý và mang trực tiếp số tiền này đưa cho V tại 01 quán cà phê trên địa bàn thành phố Q (cũ).

Khoảng cuối tháng 07/2022 đến đầu tháng 08/2022, Phạm Thanh V có liên hệ với một số cá nhân để nhờ xem xét, giúp đỡ Nguyễn Hữu N được xử án treo nhưng những người này từ chối giúp đỡ V. Khi N hẹn gặp tại một quán cà phê trên địa bàn thành phố Q (cũ) để hỏi thăm tình hình xin được án treo thì do V đã tiêu xài hết số tiền của N nên V nói với Nghĩa là đã lo được rồi, chỉ cần 150.000.000 đồng thôi và trả lại cho N số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 11/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt ông Nguyễn Hữu N 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 80/2022/HS-PT (*giữ nguyên mức án đã tuyên tại Bản án sơ thẩm*). Sau đó, Nguyễn Hữu N có yêu cầu V trả lại số tiền 150.000.000 đồng đã nhận thì V tiếp tục hứa hẹn sẽ ra Hà Nội xin cho N không phải đi tù. Đến đầu tháng 11/2023, sau khi nhận được thông báo về việc chấp hành án thì ông N có liên hệ với V, lúc này V vẫn tiếp tục hứa với N sẽ xin cho ông N được thi hành án ở tỉnh Quảng Ngãi. Sau đó ông N đi chấp hành án tại Trại giam X, đến ngày 25/5/2024 thì chấp hành xong án phạt tù.

Tổng số tiền Phạm Thanh V chiếm đoạt của ông Nghĩa L1 150.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này V tiêu xài cá nhân hết.

3. Trường hợp của anh Đặng Duy T1:

Tháng 8/2021, em ruột của Đặng Duy T1 là Đặng Duy T6 (sinh năm 2000; trú tại: Thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi) bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q (cũ) khởi tố về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Do Phạm Thanh V thường xuyên thuê dịch vụ lái xe của ông Đặng Duy T1 nên giữa hai người có quen biết. Vào khoảng tháng 09/2021, trong một lần đưa V đi công việc thì ông T1 có tâm sự với Vũ trường hợp của em trai và mong muốn Vũ giúp cho T6 không bị phạt tù thì V đồng ý, hứa hẹn sẽ cố hết sức để tìm cách giúp T6, đồng thời V nói T1 cầm các giấy tờ liên quan đến việc khởi tố tới nhà V ở xã H để trao đổi.

Sau đó khoảng một tuần, T1 đến nhà V và mang theo các giấy tờ liên quan. Tại đây, Phạm Thanh V đồng ý giúp đỡ và nói chi phí để giải quyết là 100.000.000 đồng thì T1 nói với V sẽ trao đổi thêm với người nhà.

Một thời gian sau, Phạm Thanh V gọi điện cho T1 hỏi T1 có lo việc cho T6 không, nếu muốn thì đưa số tiền 100.000.000 đồng để lo công việc thì Tiên đồng ý; sau đó, T1 điện thoại cho em trai là Đặng Duy T4 mang trực tiếp tiền mặt 100.000.000 đồng đến đưa cho V tại nhà riêng. Khoảng cuối tháng 11/2024, Đặng Duy T1 tiếp tục gọi điện thoại cho V để hỏi tình hình xử lý vụ việc như thế nào thì V nói vụ việc này khó, cần thêm 20.000.000 đồng để lo việc. Ngày 24/11/2021, Đặng Duy T1 sử dụng số tài khoản 168686879 chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến tài khoản số 57310000276384 của Phạm Thanh V.

Sau đó, Đặng Duy T1 tiếp tục gọi cho V để hỏi tình hình thì tương tự như lần trước V yêu cầu phải đưa thêm số tiền 80.000.000 đồng. Ngay sau đó, Đặng Duy T4 mang trực tiếp 80.000.000 đồng đến đưa cho Phạm Thanh V tại nhà riêng. Sau khi nhận tiền, V không giúp T1 như đã hứa hẹn, còn Đặng Duy T6 bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên phạt 02 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng đã nhận của Đặng Duy T1 thì V chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

4. Trường hợp của chị Nguyễn Thị T2:

Ngày 30/11/2021, Nguyễn Vũ T7 (tên gọi khác: C; sinh năm 1992; trú tại: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi) cùng với một số đối tượng trú tại thị trấn T (cũ) có tham gia đánh nhau với một nhóm thanh niên Hải Phòng tại Khách sạn T8, phường N, tỉnh Quảng Ngãi; vụ việc được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q (cũ) xác minh, điều tra theo quy định. Ông Trần H2 có mối quan hệ thân thiết với Phạm Thanh V và Nguyễn Vũ T7 nên nhiều lần đưa T7 đến nhà Vũ chơi, ăn uống.

Ngày 30/9/2022, Nguyễn Vũ T7 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, thời điểm này bà Nguyễn Thị T2 có liên lạc với Trần H2 với mong muốn nhờ giúp đỡ, xin cho T7 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ Tạm giam sang B1 lĩnh để có thể về tổ chức đám cưới với T2. Sau đó, Trần H2 có nhờ Phạm Thanh V giúp đỡ thì V đồng ý.

Đầu năm 2023 do H2 nhiều lần hỏi thăm tình hình về việc giúp T7 tại ngoại thì V có liên hệ với một số cá nhân để nhờ giúp nhưng họ từ chối giúp đỡ V. Đến tháng 6/2023, vì cần tiền tiêu xài cá nhân V nói với H2 yêu cầu T2 chuẩn bị số tiền 50.000.000 đồng để lo công việc cho T7 Chít thì T2 đồng ý, ngày 10/6/2023, Nguyễn Thị T2 đã nhờ người chuyển số tiền 50.000.000 đồng đến số tài khoản 4516215013292 của vợ ông H2 là bà Lê Thị Ngọc L2 (sinh năm 25/02/1986; trú tại: thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi), sau đó ông H2 nhờ bà L2 chuyển toàn bộ số tiền này đến tài khoản 57310000276384 của Phạm Thanh V. Toàn bộ số tiền nhận từ bà Nguyễn Thị T2 thì V chiếm đoạt, tiêu xài cá nhân, không liên hệ với ai để giúp đỡ T7 như đã hứa hẹn.

Cáo trạng số 95/CT-VKSQNG-P1 ngày 25/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Thanh V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh V từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Đề nghị tuyên trả lại điện thoại di động Iphone 15 Promax cho bị cáo V.

Luận cứ của luật sư Lê Hoàng H bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh V:

Thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát đã truy tố. Thống nhất các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo được tặng thưởng giấy khen theo Luật Thi đua khen thưởng nên đề nghị áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo thì thấy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại đã được Viện kiểm sát cộng tất cả để truy tố bị cáo ở điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự nên việc áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là bất lợi cho bị cáo, một hành vi phạm tội chỉ xử lý một lần. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thanh V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị hại: Lưu Văn P1, Nguyễn Hữu N, Đặng Duy T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Ngọc Anh V1, Lưu Văn H1, Nguyễn Tấn T3, Nguyễn Thanh B, Đặng Duy T4, Trần H2, Trương Quang V2, Nguyễn Phúc N1 vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2021 đến cuối năm 2023, để có tiền tiêu xài cá nhân, Phạm Thanh V lợi dụng bản thân có nhiều mối quan hệ quen biết với các cá nhân làm việc trong các cơ quan tư pháp tại địa phương để đưa ra thông tin gian dối cho các bị hại về việc có thể xin giảm nhẹ hình phạt hoặc thay đổi biện pháp ngăn chặn cho những người có liên quan đến các vụ án hình sự khiến các bị hại tin tưởng đưa tiền cho V, sau khi nhận tiền từ các bị hại, bị cáo không thực hiện theo thoả thuận trước đó với các bị hại mà bị cáo đã chiếm đoạt của 04 bị hại với tổng số tiền 490.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thanh V là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Phạm Thanh V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại nhiều lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại, được các bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (cũ) tặng thưởng Giấy khen cho cá nhân gương người tốt việc tốt; bị cáo có nhiều đóng góp cho hoạt động thiện nguyện, hoạt động khuyến học tại địa phương, bị cáo có ông nội là người có công cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng cho bị cáo.

[5] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo đã trả lại tài sản chiếm đoạt cho các bị hại Lưu Văn P1, Nguyễn Hữu N, Đặng Duy T1, Nguyễn Thị T2 các bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, số máy MU793 VN/A, số seri KL7N7T5V6M, imel số 353650696286561 của Phạm Thanh V không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đề nghị của người bào chữa về việc đề nghị áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo không có căn cứ chấp nhận; bị cáo phạm tội nhiều lần và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thanh V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh V 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2024 đến ngày 22/11/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Trả lại cho bị cáo Phạm Thanh V 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, số máy MU793 VN/A, số seri KL7N7T5V6M, imel số 353650696286561.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/6/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thanh V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- PC02 - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; Tổ HC-TP; Phòng GD, KT, TT và THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Mỹ Giang